TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** TỈNH BT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2024/DS-ST
Ngày: 20-5-2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Gia A.

Ông Đỗ Văn L.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh C - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2024/TLST - DS ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Mai N - sinh năm 1980; địa chỉ: 147/54 ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1972; địa chỉ: 223/54 ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Ng - sinh năm 1974; địa chỉ: 223/54 ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Bà N, bà L có mặt. Ông Ng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Mai N trình bày:

Vào ngày 22/9/2023 âm lịch, bà Huỳnh Mai N có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 120.000.000đồng, có làm "Giấy tay nhận tiền" ngày 22/9/2023 âm lịch do bà L ký tên, không lãi suất, thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả, bà L vay tiền nhằm mục đích chăm lo kinh tế gia đình. Đến thời hạn hai tháng sau bà L không trả tiền cho bà N.

Ngày 04/10/2023 âm lịch, bà Huỳnh Mai N có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 50.000.000đồng, có làm "Giấy tay nhận tiền" ngày 04/10/2023 âm lịch do bà L ký tên, không lãi suất, thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả, bà L vay tiền nhằm mục

đích chăm lo kinh tế gia đình. Đến thời hạn hai tháng sau bà L không trả tiền cho bà N.

Đối với ông Lê Văn Nguyên (chồng bà L) mặc dù không trực tiếp ký tên vào "Giấy tay nhận tiền", nhưng bà L vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Vì vậy, nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn thị L cùng chồng là Nguyễn Văn Ng phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N tổng số tiền gốc là 170.000.000đồng và lãi suất từ khi bà L hứa trả tiền mà không trả đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Bị đơn bà L trình bày: bà L thừa nhận có vay của bà N số tiền 170.000.000đồng và có ký tên vào "Giấy mượn tiền" ngày 22/9/2023 âm lịch và ngày 04/10/2023 âm lịch. Bà L vay tiền nhằm mục đích tiêu xài, không đem tiền về nhà để lo kinh tế gia đình, chồng con bà L không có ký tên vào giấy tay nhận tiền, không hề hay biết. Nay bà L đồng ý trả cho bà N số tiền vay là 170.000.000đồng và đồng ý trả lãi suất chậm trả là 0,83%/tháng, chồng bà là ông Ng không liên quan nên đề nghị không đưa chồng bà là người bị kiện.

Ông Ng mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, tất cả các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, đã được thông báo công khai các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án,…. nhưng vẫn vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của BLDS, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 176.164.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 02/02/2024 cho đến khi kết thúc vụ kiện. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Ng liên đới trả nợ với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của BLTTDS năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Ng là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét các giấy tay mượn tiền ngày 22/9/2023 âm lịch và ngày 04/10/2023 âm lịch nhận thấy: Theo giấy tay ghi nhận bà Nguyễn Thị L có vay của bà Huỳnh Mai N số tiền tổng cộng là 170.000.000đồng (120.000.000đồng + 50.000.000đồng), giấy tay do bà L ký tên và ghi họ tên "người mượn". Còn bà L cũng thừa nhận có vay của bà N số tiền 170.000.000đồng và đồng ý trả cho bà N nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy tay mượn tiền ngày 22/9/2023 âm lịch do bà L ký, số tiền vay là 120.000.000đồng, hứa trong thời hạn 2 tháng sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền vay. Điều đó có nghĩa là thời gian bà L phải trả lại số tiền vay 120.000.000đồng cho bà N là ngày 22/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 03/01/2024 dương lịch). Bà N yêu cầu bà L trả tiền lãi chậm trả từ ngày 22/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 03/01/2024 dương lịch) với mức lãi suất là 0,83%/tháng và bà L cũng đồng ý. Nhận thấy, giấy tay không có ghi lãi suất thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay và sự thỏa thuận giữa bà N và bà L phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Do đó, buộc bà L phải trả cho bà N tiền lãi của số tiền vay 120.000.000đồng từ ngày 03/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2024 là:

120.000.000đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng 17 ngày = 4.548.400đồng.

Căn cứ vào giấy tay mượn tiền ngày 04/10/2023 âm lịch do bà L ký, số tiền vay là 50.000.000đồng, hứa trong thời hạn 2 tháng sẽ hoàn trả lại toàn bộ số tiền vay. Điều đó có nghĩa là thời gian bà L phải trả lại số tiền vay 50.000.000đồng cho bà N là ngày 04/12/2023 âm lịch (nhằm ngày 14/01/2024 dương lịch). Bà N yêu cầu bà L trả tiền lãi chậm trả từ ngày 04/12/2023 âm lịch (nhằm ngày 14/01/2024 dương lịch) với mức lãi suất là 0,83%/tháng và bà L cũng đồng ý. Nhận thấy, giấy tay không có ghi lãi suất thỏa thuận giữa bên cho vay và bên vay và sự thỏa thuận giữa bà N và bà L phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Do đó, buộc bà L phải trả cho bà N tiền lãi của số tiền vay 50.000.000đồng từ ngày 14/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/5/2024 là:

50.000.000đồng x 0,83%/tháng x 4 tháng 6 ngày = 1.743.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà L phải trả cho bà N là 176.291.400đồng.

[3.2] Về trách nhiệm liên đới của ông Ng là chồng bà L:

Nguyên đơn bà N cho rằng bà L vay tiền nhằm mục đích chăm lo kinh tế gia đình. Còn bà L thì khai rằng số tiền bà vay của bà N để bà tiêu xài cá nhân, chồng bà là ông Ng không hề hay biết và bà không có đem số tiền này về nhà để lo cho gia đình. Bản thân ông Ng mặc dù không đến Tòa nhưng có văn bản xác

nhận ông là người nghiện rượu, sống nhờ tiền mấy đứa con đi làm mỗi đứa cho một ít, bà L không hề đem tiền về để lo cho gia đình và cũng chưa có một ai đến nói bà L nợ tiền. Trong quá trình giải quyết thì Tòa án không thể trực tiếp đến tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Ng do ông Ng thường xuyên say sỉn không có mặt ở nhà và cũng được trưởng ấp xác nhận theo biên bản xác minh ngày 05/4/2024 (bút lục 19). Nhận thấy, bà N không chứng minh được việc bà L vay tiền để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình theo khoản 1 Điều 30 của Luật hôn nhân và gia đình, bà L cũng không thừa nhận vay tiền để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yêu cầu thiết yếu của gia đình. Hơn nữa, ông Ng không có ký tên vào các giấy tay vay tiền. Vì vậy, không có căn cứ buộc ông Ng có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà L.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.814.570đồng (176.291.400đồng đồng x 5%). Bà L phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí này theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 266, 267, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Mai N đối với bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Mai N số tiền là 176.291.400đ (Một trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm chín mươi mốt ngìn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Mai N về việc buộc ông Lê Văn Ng cùng liên đới với bà L trả tiền vay cho bà.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.814.570đ (Tám triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

- Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Mai N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.279.115đ (Bốn triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn một trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu số 0001384 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh BT.

3. Bà N, bà L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Ng có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện CL;*
- *Chi cục T.H.A DS CL;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)